

Số: 66/2019/QĐ-UBND

An Giang, ngày 13 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ
trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1320/TTr-SKHCN ngày 25 tháng 11 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Website Chính phủ, Cục kiểm tra VBQPPL;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Website tỉnh, Trung tâm CB -TH;
- Lưu: VT, TH, KTN, HCTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban Nhân
dân tỉnh
Email:
ubnd@angiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh An Giang
Ngày ký: 16-12-2019
08:59:27 +07:00

Trần Anh Thư

QUY ĐỊNH

Về hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2019/QĐ-UBND

ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; việc tổ chức thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ; biện pháp bảo đảm phát triển khoa học và công nghệ; quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các Sở, ban ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang; các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh* là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ, bao gồm: Chương trình khoa học và công nghệ, đề án khoa học, đề tài khoa học và công nghệ; dự án khoa học và công nghệ.

2. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở* là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ ở cơ sở, bao gồm các hoạt động như sau: Nghiên cứu khoa học; Cải tiến và phát triển công nghệ; Khảo nghiệm, thử nghiệm các giống mới và quy trình sản xuất mới; Ứng dụng, thử nghiệm các tiến bộ khoa học, công nghệ và quy trình công nghệ mới vào sản xuất;

3. *Đánh giá, nghiệm thu* là quá trình thẩm định, xem xét kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ so với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt thực hiện và các tài liệu pháp lý khác có liên quan.

4. *Hội nghị khoa học* là hình thức sinh hoạt khoa học trao đổi thông tin với quy mô lớn. Thành phần hội nghị khoa học chủ yếu là các nhà khoa học với trình độ chuyên môn khác nhau. Các đại biểu được mời có thể là các nhà hoạt động xã hội, hoặc các chính khách... Phạm vi vấn đề được đề cập trong hội nghị khoa học rất quan trọng, liên quan đến nhiều ngành và lĩnh vực khoa học, thậm chí nhiều nhóm ngành khoa học.

5. *Hội thảo khoa học* là hình thức sinh hoạt khoa học trao đổi thông tin có quy mô vừa và nhỏ. Là diễn đàn công bố kết quả nghiên cứu mới, với những mức độ

khác nhau, của các tác giả khác nhau, thuộc những vấn đề, những khía cạnh vấn đề khác nhau của cùng một chủ đề hội thảo. Các đại biểu tham dự hội thảo đều là những nhà khoa học đang tiến hành nghiên cứu hoặc có thể đưa ra những ý tưởng nghiên cứu về những vấn đề được hội thảo quan tâm. Chính vì vậy, họ hoàn toàn có thể trao đổi, tranh luận về những đề tài hoặc những hướng nghiên cứu mới.

Điều 4. Nội dung của hoạt động khoa học và công nghệ

1. Xây dựng kế hoạch chiến lược về khoa học và công nghệ, trong đó thể hiện được các lĩnh vực ưu tiên, mũi nhọn trong nghiên cứu;
2. Tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển và hoàn thiện công nghệ;
3. Tổ chức hội nghị, hội thảo, Hội đồng khoa học và công nghệ, phản biện các công trình khoa học và công nghệ;
4. Hỗ trợ xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thương mại hóa và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ;
5. Quản lý thông tin khoa học và công nghệ;
6. Công bố kết quả nghiên cứu;
7. Chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về thống kê;
8. Chế độ báo cáo hoạt động khoa học và công nghệ;
9. Chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động khoa học và công nghệ

1. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ.
2. Xây dựng và phát huy năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ kết hợp với việc tiếp thu có chọn lọc thành tựu khoa học và công nghệ của thế giới, của quốc gia phù hợp với thực tiễn An Giang.
3. Bảo đảm quyền tự do sáng tạo, phát huy dân chủ trong hoạt động khoa học và công nghệ vì sự phát triển của đất nước.
4. Trung thực, khách quan, đề cao đạo đức nghề nghiệp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm.
5. Bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe con người, bảo vệ môi trường.

Điều 6. Các hành vi bị cấm

1. Lợi dụng hoạt động khoa học và công nghệ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; gây thiệt hại đến tài nguyên, môi trường, sức khỏe con người; trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.
2. Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; chiếm đoạt, chuyển nhượng, chuyển giao bất hợp pháp kết quả khoa học và công nghệ.
3. Tiết lộ tài liệu, kết quả khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật nhà nước; lừa dối, giả mạo trong hoạt động khoa học và công nghệ.
4. Cản trở hoạt động khoa học và công nghệ hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Chương II

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ NỘI DUNG CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 7. Quy định chung về hoạt động khoa học và công nghệ

1. Các hoạt động khoa học và công nghệ cấp tỉnh

a) Tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ dài hạn, trung hạn và ngắn hạn/hàng năm của tỉnh và tổ chức phê duyệt, giao, đánh giá thực hiện kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của tỉnh.

b) Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở.

c) Phê duyệt, kiểm tra, giám sát nội dung, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở (phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ).

d) Báo cáo kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh định kỳ và đột xuất theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện

a) Tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ dài hạn, trung hạn và ngắn hạn/hàng năm của huyện và tổ chức phê duyệt, giao, đánh giá thực hiện kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của huyện.

b) Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

c) Phê duyệt, kiểm tra, giám sát về nội dung, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 8. Các loại báo cáo

1. Báo cáo kết quả hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ tại địa phương.

2. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

Điều 9. Đối tượng thực hiện báo cáo

Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thực hiện báo cáo Quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 8 của Quy định này.

Điều 10. Cơ quan hướng dẫn thực hiện báo cáo và nhận báo cáo

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan hướng dẫn thực hiện các báo cáo và nhận các báo cáo tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 8 của Quy định này.

Điều 11. Tần suất báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo

1. Tần suất báo cáo: 6 tháng đầu năm và năm

2. Thời gian chốt số liệu và thời hạn gửi báo cáo:

a) Thời gian chốt số liệu báo cáo 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo;

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ hằng năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

c) Thời hạn gửi báo cáo 6 tháng đầu năm chậm nhất là ngày 20 tháng 6 và báo cáo năm chậm nhất là ngày 20 tháng 12 của năm báo cáo.

Điều 12. Hình thức báo cáo, phương thức gửi báo cáo

1. Báo cáo được thể hiện dưới một trong các hình thức sau đây:

a) Báo cáo bằng văn bản giấy, có chữ ký của người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, đóng dấu theo quy định và gửi bản mềm (file.doc) qua hệ thống thư điện tử;

b) Báo cáo bằng văn bản điện tử thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu, theo thể thức định dạng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy.

2. Báo cáo được gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ bằng một trong các phương thức sau:

a) Được gửi qua hệ thống phần mềm “Quản lý văn bản, chỉ đạo điều hành VNPT – iOffice” của tỉnh;

b) Gửi qua hệ thống thư điện tử;

c) Gửi trực tiếp;

d) Gửi qua dịch vụ bưu chính;

đ) Gửi qua fax.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, THÔNG TIN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Điều 13. Công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ

1. Đối với đề tài, dự án, hội nghị khoa học, hội thảo khoa học do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ), sau khi tổng kết các hoạt động khoa học và công nghệ (nghiệm thu đề tài, dự án, tổng kết hội nghị khoa học, hội thảo khoa học) các đơn vị có trách nhiệm thông báo công khai tóm tắt kết quả thực hiện đề tài trên trang thông tin điện tử của tỉnh, của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc tạp chí, bản tin của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Đối với đề tài, dự án, hoạt động nghiên cứu, hội nghị khoa học, hội thảo khoa học (trong và ngoài nước) trên địa bàn tỉnh An Giang, trước khi công bố kết quả các hoạt động khoa học và công nghệ trên các phương tiện thông tin đại chúng thì phải có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) về tính hợp lý của kết quả nghiên cứu.

3. Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học

Đơn vị chủ trì tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị khoa học phải thông báo về Sở Khoa học và Công nghệ bằng văn bản trước 05 ngày làm việc và gửi báo cáo kết quả hội nghị, hội thảo về Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc hội nghị, hội thảo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 14. Quản lý và sử dụng sản phẩm của các hoạt động khoa học và công nghệ

1. Việc sử dụng các kết quả, sản phẩm của các đề tài, dự án thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kết quả nghiên cứu, sản phẩm của các đề tài quản lý theo chế độ được bảo mật theo các quy định của Nhà nước.

2. Để chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và sản phẩm ứng dụng của các đề tài cấp tỉnh, cấp cơ sở phải thực hiện theo Luật Khoa học và công nghệ năm 2013, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và các văn bản hiện hành có liên quan.

Chương IV

QUẢN LÝ THU THẬP THÔNG TIN VỀ ỨNG DỤNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ THÔNG TIN THỐNG KÊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 15. Thu thập thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Đối với Đề tài khoa học và công nghệ, Đề án khoa học, Dự án sản xuất thử nghiệm, Dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. Tính từ ngày nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn tất thủ tục nghiệm thu chính thức, định kỳ 12 tháng một lần và trong giai đoạn 05 năm liên tiếp, tổ chức chủ trì nhiệm vụ hoặc tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm báo cáo về việc ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 20, Điều 21, Điều 22 Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ (trước ngày 15/12 hàng năm).

Điều 16. Công bố thông tin và kết quả về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành có sử dụng ngân sách nhà nước và không sử dụng ngân sách nhà nước

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước nhưng không từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ đang tiến hành và nghiệm thu theo quy định tại Khoản 2, Điều 23 Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành và đã nghiệm thu theo quy định tại Khoản 2, Điều 23 Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 17. Thông tin thống kê khoa học và công nghệ

Các sở, ban ngành, UBND huyện, thị, thành phố, các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin để phục vụ tổng hợp chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ hàng năm theo Thông tư số 15/2018/TT-BKHHCN ngày 15/11/2018 của Bộ

Khoa học và Công nghệ về Quy định chế độ báo cáo thông kê ngành khoa học và công nghệ hoặc văn bản thay thế.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ thường xuyên rà soát, đánh giá quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang theo thẩm quyền để đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với phạm vi chức năng quản lý của UBND tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ theo Quyết định này.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Thư